

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST.
Ngày: 07/01/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Thống
2. Bà Huỳnh Thị Thu Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Văn H, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1983, tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1953 và bà Đào Thị P, sinh năm 1953; vợ Võ Thị Thanh T1, sinh năm 1986; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2024 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Văn S, sinh năm 1986. Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

2. Ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1970. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2016, Lê Văn H đến huyện Đ, tỉnh Kon Tum cư trú và làm việc tại gara của anh Nguyễn Văn T2 (*Tại thôn E, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum*). Sau một thời gian, đến đầu năm 2017, H tách ra mở xưởng gara riêng ngay bên cạnh gara của anh T2 thuộc thôn E, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đến khoảng đầu tháng 4/2017, anh Lê Văn S đưa xe ô tô tải của Công ty Cổ phần T3 đến gara của anh Nguyễn Văn T2 sửa chữa. Lúc này do có quen biết với H trước đó một thời gian khi H làm tại gara của anh T2 nên anh S đi sang xưởng của H chơi nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, H đưa ra thông tin về việc tại tỉnh Bình Định hiện đang có chiếc xe Kamaz cũ bán với giá 120.000.000đ và bàn bạc với anh S góp tiền để mua chiếc xe ô tô trên về sửa chữa lại bán kiếm lời nên anh S đồng ý. Đến ngày 18/4/2017, H gọi điện thoại cho anh S để yêu cầu anh S đưa trước số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) thì anh S nói H đến nhà bố mẹ vợ của anh S để lấy tiền. Sau đó H đến nhà ông Phạm Xuân H1 (*là bố vợ của anh S*) để lấy tiền. Lúc này H tự viết và ký tên vào "Giấy vay tiền" đề ngày 18/4/2017 để lấy số tiền 50.000.000đ nêu trên. Sau khi nhận số tiền trên H không mua chiếc xe Kamaz nào như đã hứa hẹn với anh S mà sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân. Đến ngày 23/5/2017, H tiếp tục điện thoại cho anh S đề nghị đưa thêm số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để mua thêm phụ tùng sửa xe thì anh S nói H tiếp tục đến nhà bố vợ anh S lấy tiền. Đến tối ngày 23/5/2017, anh S điện thoại cho ông H1 đưa tiền cho H thì tại nhà của ông H1, H nhận số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và ký tên vào "Giấy vay tiền" đề ngày 23/5/2017. Sau một thời gian, anh S điện thoại hỏi H về việc sửa chữa xe thì H tiếp tục nói anh S đưa thêm 20.000.000đ để mua phụ tùng sửa xe. Đến ngày 24/6/2017, chị Phạm Thị Hồng N (*là vợ của anh S*) mang số tiền 20.000.000đ đến khu vực tượng đài huyện Đ để đưa cho H. Sau khi đưa tiền, chị N viết một tờ giấy ghi nội dung: "Hôm nay ngày 24/6/2017 Tôi: Phạm Thị Hồng N1 có đưa cho anh Lê Văn H số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*)" và H ký tên xác nhận. Đến đầu tháng 8/2017, anh S gọi điện cho H để hỏi về xe thì H nói xe vẫn đang sửa, thiếu tiền để mua phụ tùng sửa xe và đề nghị anh S đưa thêm 40.000.000đ. Ngày 15/8/2017, H tiếp tục nhận của anh S số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) và ký nhận vào "Giấy vay tiền" đề ngày 15/8/2017. Sau khi nhận tổng số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) của anh S, đến khoảng tháng 9/2017, H bỏ lại đồ đạc ở xưởng rồi rời khỏi địa phương để đi vào Thành phố Hồ Chí Minh, không thông báo cho anh Lê Văn S biết và bỏ số điện thoại nhằm mục đích không để anh S liên lạc đòi lại số tiền trên. Sau khi tìm cách liên lạc với Lê Văn H không có kết quả, anh S viết đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra Lê Văn H khai nhận. Do làm ăn thua lỗ và cần tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân nên H đã đưa ra thông tin không có thật về việc có chiếc xe Kamaz cũ tại tỉnh Bình Định bán và bàn bạc với anh S góp tiền để mua chiếc xe trên về sửa chữa lại bán kiếm lời nhằm mục đích để anh S tưởng thật, đồng ý góp tiền và đưa tiền cho H nhiều lần. Sau khi nhận của anh S tổng số tiền 120.000.000đ, H sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Khi không có khả năng trả lại tiền, H rời khỏi địa phương, cắt đứt liên lạc với anh Lê Văn S để chiếm đoạt số tiền trên. Ngày 11/10/2017, anh Lê Văn S đã làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ.

Tại bản Cáo trạng số 52/CT-VKSĐH, ngày 15/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum; bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại anh Lê Văn S cho rằng hiện nay bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên xin giảm nhẹ và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng và quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn H đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án. Bị cáo hiện nay có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Bị cáo Lê Văn H tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại anh Lê Văn S số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội trở về lo cho gia đình và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội.*

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Do làm ăn thua lỗ và cần tiền cho mục đích cá nhân nên vào khoảng tháng 4/20217, bị cáo Lê Văn H đã có hành vi gian dối bằng cách đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc mua chiếc xe Kamaz cũ với giá 120.000.000 đồng về sửa chữa để bán lại kiếm lời nhằm mục đích để anh Lê Văn S tin tưởng và góp tiền, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận nếu hỏi vay, mượn tiền thì anh S sẽ không cho vay, mượn. Do tin tưởng bị cáo Lê Văn H nên trong khoảng thời gian từ ngày 18/4/2017 đến ngày 15/8/2017, anh Lê Văn S đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo Lê Văn H để mua xe và phụ tùng sửa chữa xe. Sau khi nhận được số tiền trên, bị cáo Lê Văn H không sử dụng vào việc mua xe về sửa chữa theo như những gì đã bàn bạc với Lê Văn S mà sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân. Khi thấy không có khả năng trả lại tiền cho anh S, bị cáo đã rời khỏi địa phương và cắt đứt liên lạc với anh Lê Văn S để chiếm đoạt số tiền trên.

Hành vi nói trên của bị cáo Lê Văn H đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng số 52/CT-VKSĐH, ngày 15/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân mà bị cáo đã bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án tương xứng và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, sống biết tôn trọng pháp luật.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, bị cáo đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để yêu cầu bị hại giao tiền cho bị cáo nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã bồi thường cho bị hại anh Lê Văn S số tiền 120.000.000 đồng. Ngoài ra tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho anh S số tiền 30.000.000 đồng nên bị hại anh Lê Văn S đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện có thu nhập không ổn định và bị xử phạt tù nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Văn S đã nhận được số tiền bồi thường 120.000.000 đồng từ bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho anh Lê Văn S số tiền 30.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền bồi thường là 03 tháng kể từ ngày 07/01/2025 đến ngày 07/4/2025. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với các giấy giao tiền thể hiện bằng giấy vay tiền các ngày 18/4/2017, 23/5/2017, 24/6/2017 và 15/8/2017 do anh Lê Văn S giao nộp; quá trình điều tra bị cáo Lê Văn H thừa nhận là do bị cáo ký nhận tiền và không có ý kiến gì nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn H** 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

Bị cáo Lê Văn H bồi thường thêm cho bị hại anh Lê Văn S số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Thời hạn trả tiền bồi thường là 03 tháng kể từ ngày 07/01/2025 đến ngày 07/4/2025.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và theo sự thỏa thuận nói trên và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong mà bên phải thi hành án chậm thi hành án đối với số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/01/2025) bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Đắk Hà;
- Trại TGCA tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Bị cáo và các đương sự;
- Sơ Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến

